TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 4 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Vũ P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2003 chị và anh P tổ chức đám cưới và chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã bất đồng ý kiến và quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt, hiện nay mức độ mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, nay chị nhận thấy không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 03 con chung gồm Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 10/5/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Lê Thị Thùy D, sinh ngày 06/7/2007 và Lê Vũ K, sinh ngày 21/12/2009, hiện đang sống cùng với anh P. Khi ly hôn chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh P tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày, nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P chung sống với nhau năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh P xác định quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, hiện nay mức độ mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ lý do trên nên chị T và anh P thống nhất ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…".* Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến đương sự yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu giao hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi, anh P đồng ý. Xét thấy hiện nay cháu D và cháu K đang sống cùng với anh P, tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu D và cháu K thể hiện: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng sống với anh P. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu D và cháu K cho anh P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận; về nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Hoàng T và anh Lê Vũ P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Lê Thị Thùy D, sinh ngày 06/7/2007 và Lê Vũ K, sinh ngày 21/12/2009 cho anh P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoàng T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003377 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trọn **Trần Văn Giang** **Hồ Dũng Liêm**